

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng cộng	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (1)	Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ (2)	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 (3)	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ (4)
A	B	1	2	3	4	5
	Tổng cộng	28.516	7.286	370	111	20.749
1	Phường Cẩm Thành	3.644	3.633		11	
2	Phường Sa Huỳnh	358	358			
3	Xã Vạn Tường	143	143			
4	Xã Mô Cày	184	184			
5	Xã Mộ Đức	100	100			
6	Xã Sơn Hà	42	42			
7	Xã Sơn Tây Thượng	245	25			220
8	Xã Sơn Tây Hạ	3.153	418	9	36	2.690
9	Đặc khu Lý Sơn	304	304			
10	Xã Ngọc Bay	287	160	26	40	61
11	Phường Kon Tum	168	168			
12	Phường Đắk Bla	263	263			
13	Xã Đắk Mar	2.744	637	88		2.019
14	Xã Đắk Sao	1.655	8	10		1.637
15	Xã Đắk Long	1.030	52			978
16	Xã Đắk Kôi	677	112			565
17	Xã Đắk Rve	473	284			189
18	Xã Bình Chương	28		4	24	
19	Xã Nghĩa Giang	7		7		
20	Xã Ba Xa	447				447
21	Xã Thanh Bồng	582				582
22	Xã Đắk Rơ Wa	382				382
23	Xã Đắk Pxi	6.007				6.007
24	Xã Tu Mơ Rông	952				952
25	Xã Sa Bình	1.041				1.041
26	Xã Xốp	3.183		226		2.957
27	Xã Sơn Mai	22				22
28	Trường ĐH Phạm Văn Đồng	395	395			

Ghi chú: (1), (2), (3), (4) Chi tiết tại Phụ biểu 1, 2, 3, 4

PHỤ BIỂU 1

Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Địa phương	Nhu cầu kinh phí thực hiện		Kinh phí cấp huyện chuyển về cấp xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí đã bổ sung tại Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí còn thiếu
		Địa phương đề nghị	Sở Tài chính xác định			
A	B	1	2	3	4	5=2-3-4
	Tổng cộng	24.346	24.346	6.679	10.381	7.286
1	Phường Cẩm Thành	4.576	4.576	312	631	3.633
2	Phường Sa Huỳnh	897	897	365	174	358
3	Xã Vạn Tường	1.044	1.044	369	532	143
4	Xã Mô Cày	899	899	408	307	184
5	Xã Mộ Đức	760	760	258	403	100
6	Xã Sơn Hà	1.628	1.628	(152)	1.738	42
7	Xã Sơn Tây Thượng	1.287	1.287	648	615	25
8	Xã Sơn Tây Hạ	895	895	476		418
9	Đặc khu Lý Sơn	2.875	2.875	(36)	2.607	304
10	Xã Ngọc Bay	845	845	670	15	160
11	Phường Kon Tum	927	927	499	260	168
12	Phường Đắk Bla	595	595	232	100	263
13	Xã Đắk Mar	2.164	2.164	(2)	1.529	637
14	Xã Đắk Sao	1.050	1.050	938	104	8
15	Xã Đắk Long	858	858	(430)	1.236	52
16	Xã Đắk Kôi	1.046	1.046	803	132	112
17	Xã Đắk Rve	1.341	1.341	1.057	-	284
18	Trường ĐH Phạm Văn Đồng	659	659	264		395

Phụ biểu 2
Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Địa phương	Nhu cầu kinh phí thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		Kinh phí cấp huyện chuyển về cấp xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-UBND	Kinh phí đã bổ sung tại Quyết định số 245/QĐ- UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí còn thừa(-)/thiếu(+)
		Địa phương đề nghị	Số Tài chính xác định			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=2-3-4</i>
	Tổng cộng	1.742	1.742	913	459	370
1	Xã Bình Chương	13	13	9	-	4
2	Xã Nghĩa Giang	13	13	-	7	7
3	Xã Sơn Tây Hạ	323	323	250	64	9
4	Xã Đăk Sao	480	480	388	82	10
5	Xã Xốp	306	306	80		226
6	Xã Đăk Mar	354	354		266	88
7	Xã Ngok Bay	253	253	186	41	26

PHỤ BIỂU 3

Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Địa phương	Nhu cầu kinh phí thực hiện 6 tháng cuối năm 2025		Kinh phí cấp huyện chuyển về cấp xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-UBND	Kinh phí đã bổ sung tại Quyết định số 245/QĐ- UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí còn thừa(-)/thiếu(+)
		Địa phương đề nghị	Sở Tài chính xác định			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=2-3-4</i>
	Tổng cộng	300	300	172	17	111
1	Xã Bình Chương	77	77	53	-	24
2	Phường Cẩm Thành	19	19	-	8	11
3	Xã Ngok Bay	92	92	52		40
4	Xã Sơn Tây Hạ	112	112	67	9	36

PHỤ BIỂU 4

**Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ
(Phân ngân sách trung ương đảm bảo)**

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Địa phương	Nhu cầu kinh phí thực hiện		Kinh phí cấp huyện chuyển về cấp xã để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí đã bổ sung tại Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh	Kinh phí còn thiếu
		Địa phương đề nghị	Sở Tài chính xác định			
A	B	1	2	3	4	5=2-3-4
	Tổng cộng	58.992	58.992	22.080	16.163	20.749
1	Xã Ba Xa	2.018	2.018	667	903	447
2	Xã Thanh Bồng	4.457	4.457	236	3.639	582
3	Xã Sơn Tây Thượng	5.042	5.042	1.044	3.778	220
4	Xã Sơn Tây Hạ	4.391	4.391	671,212	1.030	2.690
5	Xã Đăk Rơ Wa	1.973	1.973	1.591		382
6	Xã Đăk Pxi	6.505	6.505	(151)	649	6.007
7	Xã Đăk Mar	2.110	2.110	(38)	129	2.019
8	Xã Đăk Sao	4.104	4.104	2.467		1.637
9	Xã Tu Mơ Rông	8.587	8.587	4.301	3.334	952
10	Xã Xốp	2.815	2.815	(226)	84	2.957
11	Xã Đăk Long	5.922	5.922	3.777	1.167	978
12	Xã Sa Bình	5.326	5.326	4.285		1.041
13	Xã Đăk Kôi	2.477	2.477	1.370	542	565
14	Xã Đăk Rve	2.702	2.702	1.661	852	189
15	Xã Sơn Mai	502	502	424	56	22
16	Xã Ngọc Bay	61	61	-	-	61